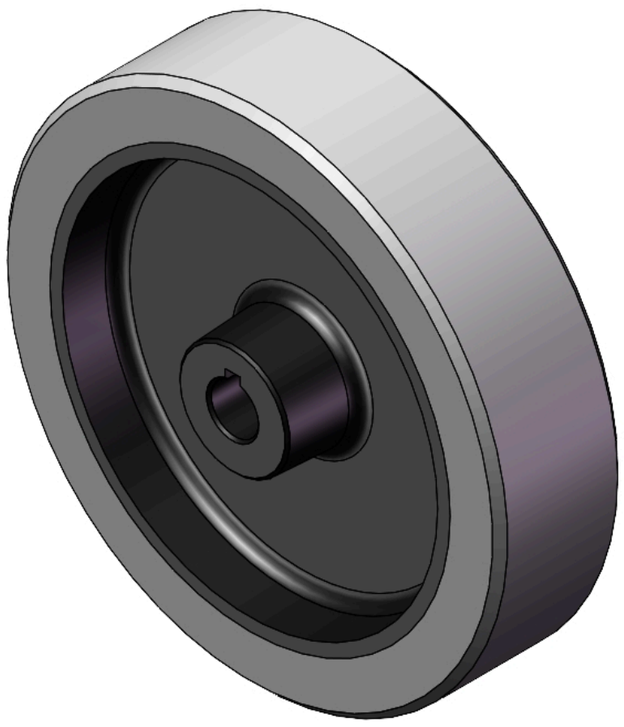
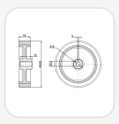


Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

Series QPU

# kính xe × chiều rộng xe 200 × 50 mm

YJ-12036308206101 Sao chép mã

| Đường kính bánh xe (D) | Hoa lốp | Khả năng tải tại 6 km/h |
|---|---|---|
| 200mm | — | 459kgs |

- Độ đàn hồi tốt，Giảm lực cản khi đẩy，Cải thiện khả năng điều khiển thiết bị，Khả năng chống mài mòn tốt
- Khả năng chống thủy phân vượt trội
- Phù hợp với vùng nhiệt đới và môi trường làm việc ẩm ướt
- QPU，Xám，Bề mặt gia công hoa văn ngẫu nhiên
- Tăng độ bám sàn，Tăng hiệu quả chống trượt
- Bạc lót bên trong：Lõi gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.

## Bảng dữ liệu sản phẩm

| | | | |
|---|---|---|---|
| Đường kính bánh xe（D） | **200mm** | Chiều rộng bánh xe（T2） | **50mm** |
| Lắp bánh xe — chiều rộng trung bình (T1) | **51mm** | Đường kính lỗ lắp bánh xe (d) | **19mm** |
| Chiều rộng rãnh then lắp bánh xe (B) | **6mm** | Chiều sâu rãnh then lắp bánh xe (H) | **22.6mm** |
| Tải trọng (tĩnh) | **810kgs** | Khả năng tải tại 4 km/h | **540kgs** |
| Khả năng tải tại 6 km/h | **459kgs** | Khả năng tải tại 10 km/h | **378kgs** |
| Khả năng tải tại 16 km/h | **216kgs** | Độ cứng bề mặt bánh xe | **77±5° Shore A** |
| Nhiệt độ | **-20°C to +70°C** | Hoa lốp | **—** |
| Vật liệu lõi bánh xe | | Không để lại vết | **Y** |
| Dẫn điện | **N/A** | Chống tĩnh điện | **N/A** |
| Trọng lượng bánh xe | **3.21kgs** | Tiêu chuẩn thử nghiệm | **ISO22883** |

* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét

## Chỉ số hiệu năng

**Độ di chuyển mượt mà**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5

**Độ êm khi vận hành**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5

**Bảo vệ mặt sàn**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5



© 2026 DERSHENG CO., LTD. Bảo lưu mọi quyền.